

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày 06-9-2024
V/v tranh chấp phường, hộ và tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Ông Nguyễn Văn Quyết

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Ly Ly -Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên toà:** Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 về Tranh chấp giao dịch dân sự phường, hộ và tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Vợ chồng ông Tống Phú T và bà Nguyễn Thị P; nơi cư trú: Thôn HP Z, xã TT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; ông T, bà P đều có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị S; nơi cư trú: Thôn HP Z, xã TT, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn vợ chồng ông Tống Phú T và bà Nguyễn Thị P trình bày: Vợ chồng ông bà và bà Nguyễn Thị S là người cùng thôn có quen biết nhau nên bà S đặt vấn đề vay tiền của ông bà. Các lần vay tiền như sau: Ngày 20-7-2023 âm lịch tức ngày 04-9-2023

dương lịch ông bà cho bà S vay 200.000.000 đồng, ngày 05-10-2023 âm lịch tức ngày 17-11-2023 dương lịch, ông bà cho bà S vay tiếp số tiền là 80.000.000 đồng. Tổng số tiền ông bà cho bà S vay là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Việc vay nợ được lập thành văn bản có xác nhận của bà S. Hai bên không thỏa thuận lãi suất. Đối với khoản vay 20-7-2023 âm lịch tức ngày 04-9-2023 dương lịch, bà S hẹn tháng 12/2023 trả 100.000.000 đồng, số tiền còn lại không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Ngoài ra ông bà có vào 03 chân phường với bà S, cách thức chơi phường như sau: Bà S tự thành lập các chân phường và là chủ phường. Bà S phát cho người chơi phường mỗi phường 01 quyển sổ, hàng tháng người tham gia chơi phường đóng tiền cho bà S được bà S ký nhận. Sổ nhận tiền phường bà S đưa cho người chơi phường giữ. Khi nào người chơi lấy phường thì báo cho bà S biết, lãi của phường do hai bên thỏa thuận tùy theo mức đóng của các chân phường hàng tháng. Cụ thể các phường ông bà đã đóng như sau: Phường thứ nhất thành lập ngày 25-9-2022 âm lịch, tức ngày 20-10-2022 gồm 17 suất, mỗi suất đóng 5.000.000 đồng/tháng, phường này ông bà đã đóng 10 tháng được 50.000.000 đồng. Phường thứ 2 thành lập ngày 15-7-2022 âm lịch, tức ngày 15-8-2022 dương lịch gồm 17 suất, mỗi suất đóng 5.000.000 đồng/tháng, phường này ông bà đã đóng 13 tháng được 75.000.000 đồng. Phường thứ 3 thành lập ngày 15-6-2022 âm lịch, tức ngày 13-7-2022 dương lịch, gồm 17 suất, mỗi suất đóng 2.000.000đ/tháng, phường này ông bà đóng 14 tháng được 28.000.000 đồng. Do bà S dừng chơi phường nên đã chốt sổ phường còn nợ ông bà 153.000.000 đồng. Nay ông bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S phải thanh toán trả số tiền phường đã nhận là 153.000.000 đồng và số tiền vay là 280.000.000 đồng; tổng là 433.000.000 đồng, vợ chồng ông bà không yêu cầu lãi suất.

Tại biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị S trình bày: Vào ngày 20-7-2023 âm lịch tức ngày 04-9-2023 dương lịch bà có vay của vợ chồng ông Tống Phú T và bà Nguyễn Thị P số tiền là 200.000.000 đồng. Ngày 05-10-2023 âm lịch tức ngày 17-11-2023 dương lịch bà vay tiếp ông T bà P số tiền là 80.000.000 đồng. Ngoài ra vợ chồng ông T, bà P có vào với bà 03 chân phường: Phường thứ nhất lập ngày 25-9-2022 âm lịch, tức ngày 20-10-2022 dương lịch, ông T, bà P góp 5.000.000 đồng/tháng, đã đóng 10 tháng được 50.000.000 đồng. Phường thứ 2 lập ngày 15-7-2022 âm lịch, tức ngày 15-8-2022 dương lịch ông T, bà P đóng 5.000.000 đồng/tháng, đã đóng 13 tháng được 75.000.000 đồng. Phường thứ 3 lập ngày 15-6-2022 âm lịch tức ngày 13-7-2022 dương lịch ông T, bà P đóng 2.000.000 đồng/tháng, đã đóng 14 tháng được 28.000.000 đồng. Do không có khả năng thanh toán phường nên bà đã chốt sổ phường còn nợ ông T, bà

P 153.000.000 đồng. Nay ông T, bà P khởi kiện yêu cầu bà phải hoàn trả số tiền vay và tiền phường đã nhận là 433.000.000 đồng, bà đồng ý trả nợ và xin trả dân.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không tham gia đầy đủ phiên họp, phiên hòa giải, tuy nhiên vi phạm của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 469, 470, 471 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật Người cao tuổi; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường. Căn cứ Điều 26, Điều 12, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tống P T, bà Nguyễn Thị P, buộc bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng ông T, bà P số tiền vay và tiền phường là 433.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi ba triệu đồng). Về án phí: Vợ chồng ông T, bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà S là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án: Vợ chồng ông Tống Phú T và bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về giao dịch dân sự phường, hộ và vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị S, nơi cư trú: Thôn HP Z, xã TT, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị S.

- Về nội dung vụ án:

[3] Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định: Ngày 20-7-2023 âm lịch tức ngày 04-9-2023 dương lịch vợ chồng Tổng Phú T và bà Nguyễn Thị P cho bà Nguyễn Thị S vay số tiền là 200.000.000 đồng, ngày 05-10-2023 âm lịch tức ngày 17-11-2023 dương lịch, ông T, bà P cho bà S vay tiếp số tiền là 80.000.000 đồng. Tổng số tiền ông T, bà P cho bà S vay là 280.000.000 đồng. Việc vay nợ được lập thành văn bản có xác nhận của bà S, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Ngoài ra ông T, bà P có vào 03 chân phường với bà S do bà S tự thành lập và là chủ phường. Phường thứ nhất thành lập ngày 25-9-2022 âm lịch, tức ngày 20-10-2022 dương lịch gồm 17 suất, mỗi suất đóng 5.000.000 đồng/tháng, phường này ông T, bà P đã đóng 10 tháng được 50.000.000 đồng. Phường thứ 2 thành lập ngày 15-7-2022 âm lịch, tức ngày 15-8-2022 dương lịch gồm 17 suất, mỗi suất đóng 5.000.000 đồng/tháng, phường này ông T, bà P đã đóng 13 tháng được 75.000.000 đồng. Phường thứ 3 thành lập ngày 15-6-2022 âm lịch tức ngày 13-7-2022 dương lịch gồm 17 người suất, mỗi suất đóng 2.000.000 đồng/tháng, phường này ông T, bà P đóng 14 tháng được 28.000.000 đồng. Bà S dùng không thu tiền phường nên hai bên đã chót, số tiền phường ông T, bà P đóng cho bà S là 153.000.000 đồng. Nay ông T, bà P yêu cầu bà S phải thanh toán trả số tiền phường và tiền vay là 433.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà S thừa nhận đã vay của vợ chồng ông T, bà P 280.000.000 đồng và nhận 153.000.000 tiền phường, tổng số là 433.000.000 đồng, bà đồng ý trả nợ và xin trả dần. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của vợ chồng ông P bà T đề nghị bà S phải trả số tiền vay và tiền phường đã nhận tổng số là 433.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, húy, biểu, phường được chấp nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26, Điều 12, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, Điều 2 Luật người cao tuổi. Ông Tổng Phú T, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị S là người cao tuổi được Ủy ban nhân dân xã TT, huyện VB, thành phố Hải Phòng xác nhận nên ông T, bà P không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân

sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 280, 357, 463, 466, 468, 469, 470, 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ Điều 26, Điều 12, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tống Phú T và bà Nguyễn Thị P, buộc bà Nguyễn Thị S phải thanh toán trả vợ chồng ông Tống Phú T và bà Nguyễn Thị P số tiền vay là 280.000.000 đồng và tiền phưởng là 153.000.000 đồng; tổng số là 433.000.000 (Bốn trăm ba mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2. Án phí:

Vợ chồng ông Tống Phú T và bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí.

Bà Nguyễn Thị S là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí được Ủy ban nhân dân xã TT, huyện VB, thành phố Hải Phòng xác nhận nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự P thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền